

## ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CHĂN NUÔI BÒ H'MÔNG TẠI VÙNG CAO NGUYÊN ĐÁ TỈNH HÀ GIANG

Phạm Văn Giới<sup>1</sup>, Sử Thanh Long<sup>2</sup> và Giang Hoàng Hà<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Bộ môn Di truyền – Giống vật nuôi, Viện Chăn nuôi; <sup>2</sup>Khoa Thú Y, Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam

Tác giả liên hệ: Phạm Văn Giới, Tel: 0988486713. Email: Gioikhiet@yahoo.com.vn.

### TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng để phát triển chăn nuôi bò H'Mông ổn định và bền vững tại vùng Cao nguyên Đá, tỉnh Hà Giang. Tổng số 1.040 hộ nuôi bò H'Mông được lấy mẫu ngẫu nhiên từ 4 huyện (Đông Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ và Yên Minh), thuộc 15 xã, thị trấn để điều tra, thu thập số liệu. Các nghiên cứu viên có kinh nghiệm được lựa chọn để phỏng vấn và thu thập dữ liệu, sử dụng phương pháp điều tra nhanh nông thôn (Participatory Rural Appraisal - PRA). Dữ liệu được chuẩn bị và mã hoá bằng Excel 2016. Phân tích dữ liệu được áp dụng phương pháp thống kê mô tả và lập bảng tính trong Minitab 16. Kết quả cho thấy hầu hết các hộ đều giữ con cái sinh sản (99,42%), giao phối tự nhiên vẫn chiếm tỷ lệ cao; chăn nuôi quy mô nhỏ chiếm ưu thế (từ 1 đến 3 con mỗi hộ); các cơ sở nuôi vỗ béo có quy mô nhỏ và vừa; các trang trại có quy mô vừa và lớn rất hiếm. Chuồng xây dựng đơn giản khá phổ biến, tỷ lệ chuồng tốt còn thấp. Mặc dù nhiều hộ chăn nuôi quan tâm đến vấn đề vệ sinh nhưng một số hộ vẫn chưa quan tâm. Rất ít hộ sử dụng thức ăn ủ chua (0,29%) cho bò H'Mông, cũng như sử dụng khối khoáng hoặc đá liếm (0,19%). Bông rượy được sử dụng phổ biến cho bò H'Mông. Chăn nuôi bò H'Mông ở Cao nguyên Đá tỉnh Hà Giang có đặc trưng là chăn nuôi quy mô nhỏ, chủ yếu áp dụng theo kinh nghiệm truyền thống, tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có, việc áp dụng công nghệ tiên tiến còn hạn chế đáng kể.

**Từ khoá:** Bò H'Mông, chăn nuôi bò thịt, Cao nguyên đá.

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang là một vùng cao đặc trưng ở Miền núi phía Bắc của Việt Nam với địa hình phức tạp, nhiều đồi núi đá tai mèo, khí hậu khắc nghiệt về mùa lạnh. Giống bò được chăn nuôi ở đây thuần túy là bò H'Mông, và chỉ có giống này mới thích ứng được sinh thái khu vực ở đây, con giống nổi bật do người H'Mông chăn nuôi và gìn giữ qua nhiều thế hệ. Đến nay bò H'Mông được xem là giống có nhiều ưu điểm hơn hẳn các giống bò địa phương khác của Việt Nam, là tài sản vật nuôi, nguồn gen quý hiếm của Quốc Gia. Bò có ngoại hình đẹp, chất lượng thịt cao, giá trị ẩm thực tốt, phù hợp với khẩu vị của người tiêu dùng và được nhiều cơ sở cung cấp với thương hiệu tên giống. Giống bò này là niềm tự hào về mặt văn hoá trong chăn nuôi và chọn tạo giống bò bản địa của người dân tộc H'Mông ở Miền núi phía Bắc (Nguyễn Văn Niêm và cs., 2001; Trần Văn Thăng và cs., 2014; Trần Huệ Viên, 2016; Trần Văn Thăng và Lệnh Thế Để, 2022). Những năm gần đây nhu cầu thịt bò H'Mông rất lớn, sản phẩm từ vùng Cao nguyên đá này không đủ cung cấp cho thị trường lớn trong nước. Với truyền thống và kinh nghiệm chăn nuôi bò qua nhiều thế hệ tại vùng Cao nguyên đá này, việc xây dựng và phát triển chương trình chăn nuôi bò H'Mông ổn định và bền vững cho vùng đất này sẽ là một trong những giải pháp tốt nhất để phát triển kinh tế gắn với văn hóa bản địa cho người dân địa phương. Bên cạnh đó, tỉnh Hà Giang đang khai thác và phát triển du lịch nên nhu cầu thịt bò cung cấp ngay tại địa phương nhiều thời điểm cũng khan hiếm, nhất là vào dịp cuối năm. Để khai thác tốt giá trị nguồn gen bò H'Mông, phát huy tài sản quốc gia, duy trì nét văn hoá nổi bật nuôi bò của dân tộc, nâng cao chất lượng con giống từ năng suất, chất lượng sản phẩm cần xây dựng và áp dụng được chương trình giống bò H'Mông, đó cũng là một giải pháp tốt để gìn giữ và bảo vệ con giống quý hiếm trước sức ép của các giống bò ngoại nhập và tạp giao làm thoái hoá nguồn gen. Muốn thực hiện tốt các

công việc trên, trước hết cần đánh giá được hiện thực chăn nuôi bò H'Mông mà người dân địa phương đang áp dụng, trên cơ sở đó đề xuất và xây dựng một chương trình giống bò H'Mông phù hợp với tập quán dân tộc, sinh thái khu vực và điều kiện chăn nuôi vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang.

## VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Vật liệu nghiên cứu

Đàn bò H'Mông được nuôi ở 1.040 hộ vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang gồm các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ và Yên Minh được sử dụng trong nghiên cứu từ năm 2021 đến năm 2022. Cơ cấu và tổng quan đàn bò cũng như các địa điểm và các hộ thực hiện khảo sát được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Tổng quan các địa điểm và các hộ được điều tra, khảo sát chăn nuôi bò tại các huyện vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang

<b>Xã khảo sát</b>	<b>Huyện Đồng Văn</b>	<b>Huyện Mèo Vạc</b>	<b>Huyện Quản Bạ</b>	<b>Huyện Yên Minh</b>	<b>Tổng số hộ khảo sát của các xã</b>
Cán Tỷ	-	-	126	-	<b>126</b>
Du Già	-	-	-	81	<b>81</b>
Đường Thượng	-	-	-	132	<b>132</b>
Du Tiến	-	-	-	24	<b>24</b>
Lũng Hồ	-	-	-	95	<b>95</b>
Lũng Táo	5	-	-	-	<b>5</b>
Pả Vi	-	40	-	-	<b>40</b>
Phố La	131	-	-	-	<b>131</b>
Sủng Là	9	-	-	-	<b>9</b>
Sủng Thái	-	-	-	6	<b>6</b>
Tả Lũng	65	-	-	-	<b>65</b>
Thanh Vân	-	-	173	-	<b>173</b>
Thị Trấn Đồng Văn	62	-	-	-	<b>62</b>
Thị Trấn Mèo Vạc	-	84	-	-	<b>84</b>
Thị Trấn Phố Bàng	7	-	-	-	<b>7</b>
<b>Tổng số hộ khảo sát của các huyện</b>	<b>279</b>	<b>124</b>	<b>299</b>	<b>338</b>	<b>1.040</b>

### **Thời gian và địa điểm nghiên cứu**

Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ 2021 - 2022.

Địa điểm nghiên cứu: Huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ và Yên Minh tỉnh Hà Giang.

### **Nội dung và Phương pháp nghiên cứu**

#### ***Nội dung nghiên cứu***

Nghiên cứu được thực hiện để đánh giá hiện trạng về:

Quy mô đàn gia súc

Điều kiện chuồng trại và vệ sinh chăn nuôi

Sử dụng nguồn thức ăn cho bò

#### ***Phương pháp nghiên cứu***

##### ***Phương pháp khảo sát và thu số liệu***

Để thu được bộ số liệu đảm bảo, khách quan, phù hợp với thực tiễn chăn nuôi chúng tôi tiến hành các phương pháp sau:

Trước hết chúng tôi xây dựng mẫu phiếu khảo sát, thu số liệu; tiến hành khảo sát thử 10 mẫu sau đó hoàn thiện mẫu phiếu để khảo sát, thu số liệu.

Phối hợp với Chi Cục Chăn nuôi - Thú Y tỉnh Hà Giang, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Yên Minh để lựa chọn xã và các hộ chăn nuôi. Các xã được lựa chọn là những địa điểm nuôi bò H'Mông đặc trưng cho khu vực, các hộ được lựa chọn lấy mẫu điều tra theo phương pháp rút thăm ngẫu nhiên.

Sử dụng đội ngũ cán bộ cơ sở cùng cán bộ chuyên môn hướng dẫn và thực hiện điều tra.

Sử dụng phương pháp điều tra nhanh nông thôn (Participatory Rural Appraisal - PRA): Phỏng vấn trực tiếp chủ hộ, người phụ trách chính nuôi bò; kết hợp thu số liệu trực tiếp trên đàn bò theo phương pháp thường quy.

#### **Xử lý số liệu**

Số liệu được chuẩn bị và mã hoá số liệu sử dụng Excel 2016. Số liệu được phân tích sử dụng phương pháp thống kê mô tả và lập bảng (Proc basic Statistics và Proc Tabulation and chisquare) trong Minitab 16.

## **KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

### **Quy mô đàn bò ở các địa điểm và các hộ**

Kết quả khảo sát Bảng 2 cho biết trong tổng số 1.040 hộ khảo sát có 1.034 hộ có nuôi bò cái sinh sản, chiếm 99,42%; 307 hộ có nuôi bò đực để sử dụng nhân giống phối trực tiếp, chiếm 29,52% tổng số các hộ điều tra, số hộ nuôi bò đực giống chiếm tỷ lệ cao ở huyện Mèo Vạc và Yên Minh. Bên cạnh đó, chỉ có 20 hộ nuôi vỗ béo tại gia đình, chiếm 1,92% tổng hộ điều tra. Ngoài ra kết quả khảo sát cho biết có 30,10% số hộ đã ứng dụng phối giống nhân tạo trên đàn bò của gia đình, phổ biến ở huyện Quản Bạ với 45,82% số hộ và huyện Đồng Văn với 39,07% số hộ khảo sát.

Bảng 2. Tổng quan chung về chăn nuôi và phối giống trên đàn bò

Loại bò nuôi	Tham số	Huyện Đồng Văn	Huyện Mèo Vạc	Huyện Quản Bạ	Huyện Yên Minh	Tổng số và tỷ lệ hộ của các huyện
Nuôi bò Đực giống	Số hộ nuôi (Hộ)	68	71	55	113	<b>307</b>
	Tỷ lệ hộ nuôi trong huyện (%)	24,37	57,26	18,39	33,43	<b>29,52</b>
Nuôi Bò cái sinh sản	Số hộ nuôi (Hộ)	278	124	299	333	<b>1.034</b>
	Tỷ lệ hộ nuôi trong huyện (%)	99,64	100	100	98,52	<b>99,42</b>
Nuôi vỗ béo tại nông hộ	Số hộ nuôi (Hộ)	1	7	3	9	<b>20</b>
	Tỷ lệ hộ nuôi trong huyện (%)	0,36	5,65	1,00	2,66	<b>1,92</b>
Phối giống nhân tạo	Số hộ đã áp dụng (hộ)	109	32	137	35	<b>313</b>
	Tỷ lệ hộ đã áp dụng trong huyện (%)	39,07	25,81	45,82	10,36	<b>30,10</b>
<b>Tổng số hộ trong huyện</b>		<b>279</b>	<b>124</b>	<b>299</b>	<b>338</b>	<b>1.040</b>

Các hộ nuôi bò cái sinh sản chủ yếu ở dạng quy mô nhỏ với số lượng từ 1 đến 3 bò cái sinh sản trong mỗi hộ, có 1.014 hộ và chiếm 98,07% số hộ trong vùng. Số hộ nuôi bò cái sinh sản quy mô lớn (Trên 3 cái sinh sản trong hộ) chiếm rất thấp 1,93% và chủ yếu tập trung ở huyện Quản Bạ với 3,68% trong huyện (Bảng 3).

Bảng 3. Quy mô đàn bò cái sinh sản của các hộ

Quy mô nuôi	Tham số	Huyện Đồng Văn	Huyện Mèo Vạc	Huyện Quản Bạ	Huyện Yên Minh	Tổng số và tỷ lệ của các huyện
Quy mô nhỏ (1 - 3 con)	Số hộ nuôi (Hộ)	275	123	288	328	1.014
	Tỷ lệ hộ nuôi trong huyện (%)	98,92	99,19	96,32	98,50	98,07
Quy mô vừa và lớn (Trên 3 con)	Số hộ nuôi (Hộ)	3	1	11	5	20
	Tỷ lệ hộ nuôi trong huyện (%)	1,08	0,81	3,68	1,50	1,93
<b>Tổng số trong huyện</b>		<b>278</b>	<b>124</b>	<b>299</b>	<b>333</b>	<b>1.034</b>

Theo tổng đầu con được nuôi trong các hộ, hầu hết các hộ đều ở dạng chăn nuôi quy mô nhỏ chiếm 75,00%, ở huyện Đồng Văn và Yên Minh cao hơn hai huyện còn lại, 83,15% và 74,85% tương ứng ở hai huyện này. Các hộ chăn nuôi quy mô vừa chiếm 24,23%, tỷ lệ các hộ nuôi quy mô vừa này ở huyện Quản Bạ cao nhất với 30,1% trong huyện; thấp nhất ở huyện Đồng Văn với 16,13% trong huyện. Kết quả khảo sát cho biết và chỉ có 0,77% các hộ nuôi ở mức quy mô lớn (Trên 10 con/hộ); quy mô này ở các huyện hầu như tương đương nhau (Bảng 4).

Bảng 4. Quy mô chăn nuôi theo tổng đàn của các hộ

Quy mô chăn nuôi	Tham số	Huyện Đồng Văn	Huyện Mèo Vạc	Huyện Quản Bạ	Huyện Yên Minh	Tổng và tỷ lệ các huyện
Nhỏ (1-3 con)	Số hộ nuôi (Hộ)	232	88	207	253	<b>780</b>
	Tỷ lệ hộ nuôi trong huyện (%)	83,15	70,97	69,23	74,85	<b>75,00</b>
Vừa (4-10 con)	Số hộ nuôi (Hộ)	45	35	90	82	<b>252</b>
	Tỷ lệ hộ nuôi trong huyện (%)	16,13	28,23	30,1	24,26	<b>24,23</b>
Lớn (Trên 10 con)	Số hộ nuôi (Hộ)	2	1	2	3	<b>8</b>
	Tỷ lệ hộ nuôi trong huyện (%)	0,72	0,81	0,67	0,89	<b>0,77</b>
<b>Tổng trong huyện</b>		<b>279</b>	<b>124</b>	<b>299</b>	<b>338</b>	<b>1.040</b>

Các loại hình đàn gia súc ở các hộ được trình bày ở Bảng 5. Theo kết quả này, trung bình mỗi hộ nuôi 2,84 con, nhiều nhất 25 con. Trong đó bò đực giống được nuôi ở 307 hộ và có nhiều hộ nuôi tới 2 đực nhày phối giống, trung bình một hộ nuôi 1,2 đực nhày. Bò cái sinh sản cho thấy trung bình mỗi hộ nuôi 1,50 con, hộ nuôi nhiều nhất tới 16 con. Kết quả khảo sát cho thấy có 20 hộ nuôi bê vỗ béo theo dạng nuôi tập trung, nuôi từ 3 đến 10 con, trung bình mỗi hộ này vỗ béo 4,25 con.

Bảng 5. Quy mô trung bình của các hộ theo từng loại bò nuôi của toàn vùng

Loại gia súc	N (Hộ)	Mean±SE	Min	Max
Bò đực giống (con)	307	1,20±0,02	1	2
Bò cái sinh sản (Con)	1.034	1,50±0,03	1	16
Bê đực (con)	457	1,11±0,01	1	2
Bê cái (con)	372	1,21±0,06	1	24
Bê đực nuôi vỗ béo (con)	20	4,25±0,48	3	10
<b>Tổng đàn trong hộ (con)</b>	<b>1040</b>	<b>2,84±0,06</b>	<b>1</b>	<b>25</b>

**Điều kiện chuồng trại và vệ sinh chăn nuôi ở các địa điểm và các hộ**

Người chăn nuôi bò H'Mông vùng này sử dụng trung bình diện tích chuồng trại nuôi bò ở diện tích đạt 11,02 m<sup>2</sup>/hộ và dao động từ 2,55 đến 310 m<sup>2</sup>. Nếu tính theo đầu bò cái sinh sản, trung bình mỗi hộ sử dụng 7,34 m<sup>2</sup> chuồng trại cho bò. Theo tổng đàn, mỗi hộ đã xây dựng trung bình 3,95 m<sup>2</sup> cho bò và biến động từ 0,64 đến 50 m<sup>2</sup> (Bảng 6).

Bảng 6. Hiện trạng diện tích chuồng trại chăn nuôi bò của các hộ

Phân loại	N (HỘ)	Mean±SE	Min	Max
Diện tích chuồng (m <sup>2</sup> /hộ)	918	11,02±0,56	2,55	310
Diện tích theo cái sinh sản (m <sup>2</sup> /con)	913	7,34±0,21	1,00	100
Diện tích chuồng theo tổng đàn (m <sup>2</sup> /con)	918	3,95±0,12	0,64	50

Theo các dạng mẫu thiết kế và xây dựng, 35,48% các hộ có đầu tư xây dựng chuồng trại tốt, ở dạng kiên cố và vững trác, được đầu tư nhiều. Ở huyện Đồng Văn và Quản Bạ có tỷ lệ chuồng trại ở dạng kiên cố cao hơn hai huyện còn lại. Ở huyện Yên Minh tỷ lệ chuồng trại ở dạng kiên cố thấp nhất, chỉ chiếm 9,76%. Chuồng thiết kế xây dựng ở dạng bán kiên cố chiếm 53,85%, dạng mẫu chuồng này nổi trội ở huyện Mèo Vạc (75,00%) và huyện Yên Minh (70,71%) trong mỗi huyện. Loại mẫu chuồng tạm bợ chỉ chiếm 10,67%, mẫu chuồng này tập trung ở huyện Yên Minh, chiếm 19,53% trong huyện.

Bảng 7. Hiện trạng về các loại mẫu chuồng trại chăn nuôi bò của các hộ

Dạng mẫu chuồng	Tham số	Huyện Đồng Văn	Huyện Mèo Vạc	Huyện Quản Bạ	Huyện Yên Minh	Tổng
Kiên cố	Số hộ áp dụng (hộ)	168	27	141	33	<b>369</b>
	Tỷ lệ hộ áp dụng trong huyện (%)	60,22	21,77	47,16	9,76	<b>35,48</b>
Bán kiên cố	Số hộ áp dụng (hộ)	98	93	130	239	<b>560</b>
	Tỷ lệ hộ áp dụng trong huyện (%)	35,13	75,00	43,48	70,71	<b>53,85</b>
Tạm bợ	Số hộ áp dụng (hộ)	13	4	28	66	<b>111</b>
	Tỷ lệ hộ áp dụng trong huyện (%)	4,66	3,23	9,36	19,53	<b>10,67</b>
<b>Tổng</b>		<b>279</b>	<b>124</b>	<b>299</b>	<b>338</b>	<b>1040</b>

Các hộ nuôi bò H'Mông đều quan tâm đến vệ sinh chuồng trại cho bò ở mức đảm bảo, phù hợp yêu cầu chăn nuôi tại khu vực, tỷ lệ các hộ nhóm này chiếm 79,71%. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều hộ vệ sinh kém, để chuồng trại ở mức bẩn (19,52%) và rất bẩn (0,77%). Nhìn chung, mức độ vệ sinh tốt ở các hộ huyện Đồng Văn và Quản Bạ, có 93,55% và 88,29% số hộ đảm bảo vệ sinh chuồng trại tương ứng ở 2 huyện này. Các hộ huyện Yên Minh có mức độ vệ sinh khá tốt, tỷ lệ các hộ vệ sinh đảm bảo nuôi bò chiếm 76,33%. Tại vùng này, huyện Mèo Vạc người chăn nuôi hầu như chưa quan tâm nhiều đến vệ sinh chuồng trại nuôi bò, tỷ lệ hộ vệ sinh chuồng trại đảm bảo chỉ đạt 37,1%, bên cạnh đó tỷ lệ hộ để chuồng trại ở mức bẩn chiếm 56,45%. Trong 4 huyện khảo sát chỉ có ở Mèo Vạc vẫn còn một số hộ để chuồng trại rất bẩn.

Bảng 8. Hiện trạng vệ sinh chăn nuôi của các hộ

Mức độ vệ sinh	Tham số	Huyện Đồng Văn	Huyện Mèo Vạc	Huyện Quản Bạ	Huyện Yên Minh	Tổng các huyện
Đảm bảo	Số hộ (hộ)	261	46	264	258	<b>829</b>
	Tỷ lệ % trong huyện	93,55	37,1	88,29	76,33	<b>79,71</b>
Bản	Số hộ (hộ)	18	70	35	80	<b>203</b>
	Tỷ lệ % trong huyện	6,45	56,45	11,71	23,67	<b>19,52</b>
Rất bản	Số hộ (hộ)	0	8	0	0	<b>8</b>
	Tỷ lệ % trong huyện	0	6,45	0	0	<b>0,77</b>
<b>Tổng trong huyện</b>		<b>279</b>	<b>124</b>	<b>299</b>	<b>338</b>	<b>1040</b>

**Sử dụng thức ăn trong chăn nuôi ở các địa điểm và các hộ**

Kết quả khảo sát cho biết, thức ăn ủ chua được rất ít hộ sử dụng, ở vùng chỉ có 03 hộ, chiếm 0,29%. Thức ăn tinh hỗn hợp (gồm ngô, cám gạo, bột sắn, ...) được các hộ sử dụng khá phổ biến, chiếm 41,83% số hộ. Bên cạnh đó, bồng rượu được nhiều người sử dụng nuôi bò, chiếm 47,12% số hộ. Thức ăn bổ sung là khoáng đá liếm rất hiếm có hộ sử dụng, chỉ có 2 hộ và chiếm 0,19%. Theo kết quả khảo sát, các hộ nuôi bò ở huyện Yên Minh có ý thức cao trong việc sử dụng thức ăn tinh và bồng rượu nuôi bò và ở đây cũng xuất hiện một số hộ sử dụng thức ăn ủ chua và khoáng đá liếm cho bò.

Bảng 9. Hiện trạng sử dụng một số loại thức ăn cho bò

Yếu tố	Tham số	Huyện Đồng Văn	Huyện Mèo Vạc	Huyện Quản Bạ	Huyện Yên Minh	Tổng các huyện
Sử dụng thức ăn ủ chua	Số hộ sử dụng (hộ)	0	0	1	2	<b>3</b>
	Tỷ lệ % số hộ sử dụng	0	0	0,33	0,59	<b>0,29</b>
Sử dụng thức ăn tinh (Ngô, cám,...)	Số hộ sử dụng (hộ)	66	60	28	281	<b>435</b>
	Tỷ lệ % số hộ sử dụng	23,66	48,39	9,36	83,14	<b>41,83</b>
Sử dụng bồng rượu	Số hộ sử dụng (hộ)	65	44	92	289	<b>490</b>
	Tỷ lệ % số hộ sử dụng	23,3	35,48	30,77	85,5	<b>47,12</b>
Sử dụng khoáng đá liếm	Số hộ sử dụng (hộ)	0	0	1	1	<b>2</b>
	Tỷ lệ % số hộ sử dụng	0,00	0,00	0,33	0,30	<b>0,19</b>
<b>Tổng trong huyện</b>		<b>279</b>	<b>124</b>	<b>299</b>	<b>338</b>	<b>1.040</b>

## THẢO LUẬN CHUNG

Đã có nhiều nghiên cứu được thực hiện tại các khu vực khác nhau trên bò H'Mông hoặc phục vụ bảo tồn và phát triển ở miền núi phía Bắc, các tác giả đề cập và phân tích theo nhiều mặt khác nhau và đưa ra những nhận định theo mục tiêu của các công trình của họ (Nguyễn Văn Niêm và cs., 2001; Trần Văn Thăng và cs., 2014; Nguyễn Thị Ngoan, 2015; Trần Huê Viên, 2016; Trần Văn Thăng và Lệnh Thế Đề, 2022; Vũ Thị Minh Hồng và Đỗ Thị Hải, 2022). Nhưng, nghiên cứu và đánh giá hiện trạng chăn nuôi trong nông hộ vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang còn rất hạn chế. Nghiên cứu này thực hiện đánh giá hiện trạng chăn nuôi theo hướng khai thác và cung cấp các thông tin phục vụ trực tiếp vào phát triển chăn nuôi, khai thác nâng cao năng suất, chất lượng và công tác cải tạo đàn giống, hướng tới chăn nuôi bò H'Mông ổn định, bền vững và sản xuất sản phẩm đặc sản chủ lực cho tỉnh Hà Giang, lưu trữ và gìn giữ di sản văn hoá dân tộc và tài sản nguồn gen quốc gia.

Dữ liệu từ khảo sát nghiên cứu này cho thấy các hộ nuôi bò H'Mông vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang hầu hết là nuôi bò sinh sản là chính (99,42%), số hộ nuôi bò đực giống nhay trực tiếp khá nhiều (29,52%), do địa hình phức tạp, nhiều hộ nuôi ở khu vực cách biệt, giao thông khó khăn nên họ thường tự chủ đực giống và tự nuôi từ nguồn của gia đình. Từ kết quả này cho thấy khả năng giao phối tự do mất kiểm soát rất lớn, tỉnh Hà Giang cần có biện pháp quản lý và đăng ký bò đực giống trong địa phương để tránh cận huyết và nâng cao chất lượng đàn bê sản xuất. Bên cạnh đó nhiều hộ đã ứng dụng phối giống nhân tạo với tinh bò H'Mông do có Trung tâm Phổ Bàng cung cấp, và được ngân sách tỉnh hỗ trợ, tuy nhiên, mới chỉ có 30,10% số hộ ứng dụng, đây cũng là một tín hiệu tốt do người dân đã ít nhiều thay đổi nhận thức với tiến bộ công nghệ.

Các hộ nuôi phổ biến là quy mô nhỏ từ 1 đến 3 cái sinh sản hoặc tổng đàn mỗi hộ; các hộ nuôi với quy mô vừa và lớn, trên 3 cái sinh sản hoặc tổng đàn trên 4 con mỗi hộ, rất thấp. Hơn nữa, tại địa phương người nuôi bò H'Mông chưa quen với vỗ béo tập trung, quy mô vỗ béo của một số hộ nuôi cũng rất thấp (từ 3 đến 10 con). Từ kết quả này cho thấy với tập quán sản xuất hiện tại, người dân ở đây khó đẩy mạnh phát triển kinh tế và sản xuất hàng hoá tại chỗ từ chăn nuôi truyền thống của họ. Mặc dù nhiều khu vực có tiềm lực về nguồn thức tự nhiên rất phong phú nhưng hiện trạng này khó được cải thiện do tiềm lực kinh tế, tinh chất lao động và khả năng sản xuất cơ bản của người dân tộc thiểu số và người nuôi bò H'Mông. Để cải thiện được vấn đề này cần có hướng dẫn kỹ thuật hoặc truyền tải các kiến thức và công nghệ mới cho người dân ở đây về kỹ thuật sản xuất và bảo quản thức ăn sử dụng cho bò nhất là về cuối và đầu mỗi năm do thời tiết khắc nghiệt.

Chuồng nuôi bò vẫn còn ở mức tiết kiệm và tận dụng, tỷ lệ hộ có chuồng trại tốt còn ít và vẫn còn nhiều hộ không có chuồng hoặc chuồng rất sơ sài, đây là một trong những nguyên nhân làm gia súc rất dễ bị đổ ngã mùa lạnh. Mặc dù đa số các hộ đã quan tâm đến vệ sinh dọn chuồng nhưng vẫn còn nhiều hộ chưa chú ý, để chuồng rất bẩn, nhiều trường hợp gia súc vẫn ăn và nằm nghỉ trên đồng phân rất lâu ngày không được dọn, đây là một trong những nguyên nhân làm gia súc bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ và năng suất.

Thức ăn ủ chua được rất ít hộ sử dụng (0,29%), người dân chưa có nhận thức tốt về thức ăn ủ chua với chăn nuôi bò. Theo kết quả điều tra, huyện Quản Bạ mới có 1 hộ và Yên Minh có 2 hộ, huyện Đồng Văn và Mèo Vạc chưa có hộ nào sử dụng. Đây là một trở ngại lớn do vùng này luôn bị thiếu hụt thức ăn xanh mùa rét, khô hạn, và thức ăn ủ chua là một dạng bảo quản tốt và thay thế tốt vào dịp khan hiếm. Mặt khác, nếu người dân sử dụng tốt thức ăn ủ chua sẽ là một lợi thế để tận dụng năng suất sinh khối thức ăn xanh từ mùa mưa khi nguồn thức ăn xanh dồi



đào và không sử dụng hết. Bên cạnh đó, Cao Nguyên đá Hà Giang có nguồn thức ăn tinh phong phú từ ngô, sắn và khoai nhưng chỉ ở huyện Yên Minh có tỷ lệ số hộ ứng dụng cao (83,14%), các huyện khác ít hơn, nhất là Quản Bạ (9,36% số hộ sử dụng), nguyên nhân chính do người nuôi bò H'Mông cũng chưa có nhận thức tốt và chưa biết cách sử dụng hợp lý cho nuôi bò. Vấn đề này cũng là một hạn chế khi muốn nâng cao năng suất sinh trưởng, sinh sản cũng như chất lượng sản phẩm khi vỗ béo. Khoáng đá liềm cũng chưa được nhiều người sử dụng (0,19%), đây cũng là một hạn chế trong ứng dụng các sản phẩm công nghệ trong nuôi bò. Kết quả từ nghiên cứu cho biết thêm có nhiều hộ sử dụng bổ sung rượu nuôi bò, nhất là huyện Yên Minh, có 85,5% số hộ sử dụng, do vùng này sản phẩm phụ nấu rượu rất phong phú và người dân có kinh nghiệm tốt về sử dụng loại thức ăn này cho bò. Từ kết quả này cho thấy người dân cơ bản vẫn chưa nhận thức và tiếp thu tốt các tiến bộ khoa học công nghệ từ trong dinh dưỡng thức ăn, cần tích cực mở các lớp tập huấn, xây dựng mô hình mẫu về chăn nuôi bò H'Mông ứng dụng các kết quả tốt về chế biến, bảo quản và sử dụng thức ăn để người nuôi bò tiếp thu, thụ hưởng và vận dụng. Việc nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy trình chăn nuôi chung và tổng hợp cho bò H'Mông, cũng như sử dụng các loại nguồn thức ăn bản địa vào nuôi và vỗ béo bò H'Mông là hết sức cần thiết, đem lại hiệu quả kép và thiết thực cho vùng Cao nguyên đá này.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### Kết luận

Chăn nuôi bò H'Mông tại vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang với đặc trưng là nông hộ, quy mô nhỏ, chủ yếu áp dụng kinh nghiệm truyền thống, tận dụng nguồn lực thiên nhiên, áp dụng các tiến bộ khoa học chưa phổ biến.

### Kiến nghị

Xây dựng mô hình chăn nuôi bò H'Mông quy mô tập trung đặc trưng áp dụng các tiến bộ mới về khoa học công nghệ cho vùng Cao nguyên đá tỉnh Hà Giang để người dân xung quanh trực tiếp tham quan, học hỏi và áp dụng.

Truyền tải, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật mới nhất là về dinh dưỡng thức ăn áp dụng chăn nuôi bò H'Mông để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm bò H'Mông.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vũ Thị Minh Hồng và Đỗ Thị Hải. 2022. Nghiên cứu thành phần hóa học nguồn nước phục vụ bảo tồn gen và phát triển chuỗi giá trị bò H'mông ở miền núi phía Bắc. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. 64(3): 07-10.
- Nguyễn Thị Ngoan. 2015. Khảo sát hiện trạng đàn bò H'Mông và đánh giá khả năng sinh trưởng của các bê sinh ra từ đàn bò H'Mông hạt nhân nuôi tại huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn. Luận văn Thạc Sĩ Khoa học Nông nghiệp. Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên.
- Nguyễn Văn Niêm, Đỗ Hữu Hoan, Lưu Công Khánh và Đỗ Xuân Cồn. 2001. Đặc điểm sinh học, khả năng sản xuất và phát triển chăn nuôi bò vàng Hà Giang tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Báo cáo khoa học chăn nuôi thú y 1999-2000. Nhà xuất bản Hà Nội, Tr. 92 – 105.
- Trần Văn Thắng, Mai Anh Khoa, Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hưng Quang, Trần Huê Viên, Nguyễn Hữu Trà và Nguyễn Hữu Cường. 2014. Đánh giá thực trạng đàn bò H'Mông nuôi trong nông hộ tại huyện Bảo Lâm tỉnh Cao Bằng. Tạp chí Khoa học & Công nghệ. 123(09), tr. 113 – 118.
- Trần Văn Thắng và Lệnh Thế Đề. 2022. Số lượng, chất lượng tinh dịch của bò H'Mông và tỷ lệ thụ thai của tinh đông lạnh cộng rạ trong 12 tháng bảo quản lạnh. Tạp chí KHKT Chăn nuôi số 276 - tháng 4 năm 2022. Tr. 72-78.
- Trần Huê Viên. 2016. Báo cáo tổng kết đề tài: “Khai thác và phát triển nguồn gen bò H'Mông”. Đại học Nông - Lâm, Đại học Thái Nguyên.

## ABSTRACT

### **Assessment of the current status of H'Mong cattle production in the Rocky Highland region of Ha Giang province**

Investigation was carried out to assess the actual situation for stable and sustainable development of H'Mong cattle production in Rocky Highland of Ha Giang Province. Total of 1,040 holders raising H'Mong cattle were randomly sampled from 4 districts (Dong Van, Meo Vac, Quan Ba and Yen Minh), 15 communes and towns to investigate and collect data. Experts and experienced reserachers were selected to interview and gather data, PRA method was applied for the research. Records were prepared and coded, categorized in Execl2016. Data analyses were applied using Proc basic Statistics and Proc Tabulation and chisquare in Minitab16. The results showed that almost holders kept reproductive females (99.42% farmers kept), breeding stud bulls were popularly raised for natural mating; small scaled holds were dominated (from 1 to 3 cattle per holder) in H'Mong cattle production; feedlots for fattening system were small scale and few; the moderate and extensive scaled farms were rarely appeared in holds. Housing condition was still simple, percentage of well-invested houses was still low. Although numerous holders were interested in hygienic management, but some farmers were not paid attention to. Farmers hardly used silage (0.29% holders used) for H'Mong cattle, there have been few holders used licking mineral block or mineral cake for cattle (0.19% farmers used). Brewery residual byproduct was popularly utilized for H'Mong cattle. It is concluded that H'Mong cattle production in Rocky Highland of Hagiang province was characterized by small scaled hold farming, mainly applied in traditional experiences, utilized available natural resources, the applications of advanced technologies were considerably limited.

**Keywords:** *H'Mong cattle, beef producton, Rocky Highland.*

Ngày nhận bài: 28/2/2024

Ngày phản biện đánh giá: 10/3/2024

Ngày chấp nhận đăng: 30/4/2024

**Người phản biện:** *PGS.TS. Lê Thị Thanh Huyền*